

## GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Ngô Huy Cương (\*)

Khi đặt vấn đề “*giáo dục quyền con người ở Việt Nam*”, chắc hẳn người khởi xướng đã nhận thức được đầy đủ nỗi nhọc nhằn của công việc. Nỗi nhọc nhằn không phải bởi công việc tốn quá nhiều thời gian, công sức. Nỗi nhọc nhằn cũng không phải bởi thiếu người có cái tâm thực hiện công việc. Tôi e rằng nỗi nhọc nhằn bởi quyền con người chưa được nhận thức đầy đủ và chưa trở thành nhu cầu bức thiết đối với người dân Việt Nam, nhưng người ta vẫn sống. Người dân mình (đa số là nông dân) công việc đầu tắt mặt tối suốt ngày, quanh quẩn ở trong lũy tre làng, hễ ra tới tỉnh gặp cán bộ nhà nước nào cũng gọi là bác, xưng em cho dù là người cán bộ đó nhỏ hơn mình tới hàng chục tuổi. Cái cách xưng hô đó nếu tán tụng thì được cho là phép tắc xã giao, lịch thiệp, tôn trọng người khác, nhưng nói cho đúng, là sự hoảng hốt của một cá thể nhỏ bé, tự ti và yếu đuối trước quyền lực to lớn. Tôi cho là thế bởi nghi truyền thống và ngôn ngữ Việt Nam rất chú trọng tới tôn ti trật tự được xây dựng trên tuổi tác. Ấy vậy mà nạn bạo hành trong gia đình lại không phải là hiếm thấy ở nông thôn Việt Nam hiện nay mà nạn nhân thường là phụ nữ và trẻ em. Trong khi đó có học giả Việt Nam, chuyên nghiên cứu về quyền con người, khi tán tụng về quyền con người ở

Việt Nam, theo cách thức bình giảng văn học, cho rằng:

*Người Việt Nam bao giờ cũng đặt con người, giá trị con người cao hơn của cải rất nhiều: “Người sống hơn đồng vàng”, “Một mặt người bằng mười mặt của”. Hơn nữa của cải, tức là kinh tế, cũng là sản phẩm của con người, do con người làm ra: “Người làm ra của, của không không làm ra người”. Vì người cao quý hơn của, giá trị hơn của, nên nhiều trường hợp người ta không tiếc của, sẵn sàng hy sinh của để cứu lấy người (như trường hợp điều trị bệnh tật, cấp cứu nạn nhân), thậm chí trong những cơn hiểm nghèo phải dứt khoát lựa chọn một trong hai thứ, thì người ta quả quyết “bỏ của lấy người”. Trường hợp không may xảy ra tai nạn (như cháy nhà, đắm tàu, bị cướp giết...) mất hết tiền bạc của cải, nhưng người thoát nạn thì ai cũng cho là may mắn vì “của đi thay người”.*

*Trong ngôn ngữ Việt Nam, khi căm ghét hoặc kinh bỉ một kẻ nào đó độc ác hoặc ngu xuẩn, người ta có thể nguyên rủa bằng những ngôn từ: “đồ súc sinh”, “đồ con lợn”... chứ không bao giờ dùng đến cụm từ: “**đồ con người**”[13; tr.131-132] (tác giả nhấn mạnh - Ngô Huy Cương).*

Đoạn văn này được tác giả của nó dẫn dắt để minh chứng cho đặc thù của

(\*) TS., Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Việt Nam trong việc coi trọng nhân phẩm vốn có của con người - điểm khởi đầu cho việc nghiên cứu quyền con người. Tuy nhiên dường như chẳng có đặc thù nào ở đó bởi con người đâu đâu cũng quan niệm như vậy vì họ khao khát sống và là chủ của thế giới. Nếu sử dụng cụm từ “*đồ con người*” để mắng người khác thì không khác nào lợn mắng người. Không dân tộc nào có chuyện giũa người với người mắng nhau như vậy. Việc nhắc lại vai trò của con người như đoạn văn trên trong một bài viết về quyền con người dường như còn xúc phạm đến danh dự của người Việt.

Quyền con người, xem xét trong mối quan hệ với nhà nước, là giới hạn tuyệt đối mà nhà nước không thể vượt qua, một phương thức hạn chế quyền lực quan trọng nhất. Vậy trong một xã hội mà tại đó người dân quá nhỏ bé so với quyền lực nhà nước, còn kẻ sĩ nhận thức chưa đầy đủ về quyền con người, thì thử hỏi việc giáo dục quyền con người không phải là nổi nhọc nhằn sao được?

Khi đặt vấn đề giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục ở Việt Nam hiện nay, theo tôi trước hết phải nói tới tại sao lại cần thiết giáo dục quyền con người, tư tưởng chính về nội dung giáo dục là gì, và cách thức giáo dục như thế nào.

## **I. Sự cần thiết giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục ở Việt Nam hiện nay**

Tôi nghĩ, hai dẫn chứng nho nhỏ ở trên nói lên sự khó khăn trong việc giáo

dục quyền con người, nhưng cũng đủ cho thấy việc giáo dục quyền con người ở Việt Nam là quá cần thiết, bởi lẽ nếu từng con người không ý thức được cái quyền làm người của mình, không ý thức được chính quyền được sinh ra để chăm lo và bảo vệ cái quyền đó của từng người thì sự tồn tại và ổn định của cộng đồng khó có thể được duy trì.

Không khó nhận thấy, vì quyền con người mà cả dân tộc Việt Nam đã lăn xả vào các cuộc chiến để giành độc lập tự do cho dân tộc. Điều này thì ai cũng biết và được minh chứng hùng hồn qua một đoạn văn trong Tuyên ngôn độc lập mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc Quảng trường Ba Đình ngày 2/9/1945:

*“Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.*

Tuyên bố này bắt nguồn từ tư tưởng luật tự nhiên được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định ngay sau đó trong Tuyên ngôn độc lập: *“Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”*. Và cụ Vũ Đình Hòe cho rằng: *“Trước hết vì đạo lý và pháp lý ngàn đời”* [12; tr. 66]. Vậy những lẽ phải, và đạo lý, pháp lý ngàn đời này cần phải được mọi người nhận thức rõ và bảo vệ chúng tránh khỏi sự vi phạm và lạm dụng.

Những nhận thức như vậy hoàn toàn phù hợp với nhận thức chung của thế giới ngày nay. Trong Bản kế hoạch hành

động tóm tắt giai đoạn 2005- 2007 của Chương trình thế giới về giáo dục quyền con người (từ năm 2005 trở đi), Đại hội đồng Liên hiệp quốc nhận thấy cần thúc đẩy sự tôn trọng nhân phẩm và sự bình đẳng của con người, và sự tham gia của người dân vào việc ra các quyết định có tính dân chủ, nên giáo dục quyền con người góp phần ngăn chặn lạm dụng và xung đột bạo lực [11].

Nancy Flowers đã tóm tắt năm lý do chủ yếu đối với giáo dục quyền con người như sau:

*Thứ nhất*, công bố cam kết về những quyền con người được đề cập tới trong Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người 1948 và các văn kiện quốc tế, cũng như các văn bản pháp luật quốc gia về quyền con người; qua đó khẳng định trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ, và thúc đẩy các quyền của tất cả mọi người dân;

*Thứ hai*, thúc đẩy các nguyên tắc dân chủ; qua đó xem xét các vấn đề quyền con người một cách không thành kiến và từ các quan điểm khác nhau thông qua sự đa dạng của hoạt động giáo dục;

*Thứ ba*, hỗ trợ sự phát triển các kỹ năng giao tiếp và tư duy phê phán hiểu biết thiết yếu cho nền dân chủ; qua đó cung cấp các quan điểm lịch sử và đa văn hóa về cuộc đấu tranh toàn cầu cho công lý và nhân phẩm;

*Thứ tư*, thu hút trái tim và khối óc của người học; qua đó thách thức họ đòi hỏi các quyền con người có ý nghĩa gì đối với cá nhân họ và cổ vũ họ chuyển hóa sự

lo âu thành hiểu biết, thành hành động phi bạo lực;

*Thứ năm*, khẳng định sự phụ thuộc lẫn nhau của gia đình nhân loại; qua đó thúc đẩy sự hiểu biết về các thế lực toàn cầu gây ra sự lạm dụng, và cách thức có thể thủ tiêu và tránh khỏi những sự lạm dụng đó [14].

Đảng cộng sản Việt Nam đã nhận thức sâu sắc giá trị của con người, nên nhấn mạnh rằng: "... *xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*" [2]. Vì quyền con người gắn liền với giá trị và nhân cách, nên việc giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay là một công việc cần thiết hơn bao giờ hết.

## II. Tư tưởng chính về nội dung giáo dục quyền con người

Có lẽ trước khi nói tới tư tưởng chính về nội dung giáo dục quyền con người ở Việt Nam, theo tôi nên đi qua các quan điểm tiêu biểu về quyền con người ở Phương Tây và Phương Đông (Trung Quốc và Việt Nam) dưới khía cạnh các đặc tính cơ bản của quyền con người, bởi có như vậy mới có thể tìm ra được một nội dung giáo dục có hiệu quả, tránh những xung đột.

Thông thường ở Phương Tây, quyền con người được xem là có các đặc tính "*phổ biến*", "*cơ bản*" và "*tuyệt đối*". Đặc tính "*phổ biến*" thể hiện ở chỗ: không kể chủng tộc, nòi giống, giới tính, quốc tịch hay địa vị xã hội..., mọi người đều có quyền như nhau ở mọi nơi, mọi lúc. Đặc tính "*cơ bản*" thể hiện ở chỗ: các quyền đó

không thể chuyển nhượng được, dù chúng có thể bị từ chối hay bị vi phạm. Đặc tính “tuyệt đối” thể hiện ở chỗ: các quyền này là nền tảng căn bản nhất của đời sống con người mà không thể bị hạn chế hay giảm bớt. Quyền con người khác với các quyền dân sự ở chỗ: chúng là các nguyên tắc đạo đức cơ bản đòi hỏi phạm vi toàn cầu [1; tr.131].

Tương tự, cuốn tài liệu phổ biến về quyền con người của Chính phủ Australia đề cập tới ba đặc tính của quyền con người như sau:

*Thứ nhất*, đặc tính “*vốn có*” có nghĩa là các quyền này là các quyền bẩm sinh của tất cả loài người mà con người được hưởng chúng một cách bình thường bởi lý do nhân tính và được hiểu theo cách thông thường là chúng không phải được cấp cho hay ban tặng bởi một quyền lực;

*Thứ hai*, đặc tính “*không thể chuyển nhượng*” có nghĩa là con người không thể đồng ý từ bỏ các quyền này hoặc không ai có thể tước bỏ chúng;

*Thứ ba*, đặc tính “*phổ biến*” có nghĩa là các quyền này không chỉ áp dụng cho một nhóm người nào, mà cho tất cả mọi người không kể đến quốc tịch, địa vị xã hội, giới tính hay chủng tộc [5; tr.10].

Các đặc tính “*cơ bản*” và “*tuyệt đối*” của quyền con người cũng được công nhận ở Việt Nam và Trung Quốc, bởi có lẽ việc không thừa nhận hai đặc tính này thì không thể biện minh cho việc thừa nhận có một thứ quyền gọi là quyền con người tồn tại ở trên đời. Tuy nhiên, đặc tính “*phổ biến*” của quyền con người được

một số học giả ở Việt Nam và Trung Quốc bàn luận khá sôi nổi, điển hình là trong cuốn “*Quyền con người ở Trung Quốc và Việt Nam - Truyền thống, lý luận và thực tiễn*” do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia ấn hành năm 2003. Trong đó có một học giả Trung Quốc mang tên Tống Tiểu Trang viết:

*“Hoàn cảnh có thể làm thay đổi tính phổ biến của các quyền con người; do đó cần xem xét vấn đề thực thi quyền con người và các chuẩn mực quyền con người đã được toàn thế giới thừa nhận”* [9, tr. 26].

Từ chỗ phủ nhận tính “*phổ biến*” của quyền con người, Tống Tiểu Trang đã đi tới phủ nhận ngay những chuẩn mực mà cả thế giới thừa nhận trong khi không đưa ra được một lời phản bác nào có giá trị cho việc phủ nhận đó.

Khéo léo hơn nhiều, một số học giả Việt Nam chuyên nghiên cứu về quyền con người thường lấy những nét riêng về văn hóa của Việt Nam để đặt vấn đề xem xét lại tính “*phổ biến*” của quyền con người bằng cách cân đối nó với tính đặc thù. Hầu hết các cách nghiên cứu này xuất phát từ một luận điểm của Mác rằng: “*Nhân quyền không phải là bẩm sinh mà là sản phẩm sinh ra trong lịch sử*” [7; tr.212]. Đặc biệt tác giả Quan Công đã làm lẫn lộn giữa đặc tính “*phổ biến*” của quyền con người với việc bảo đảm quyền con người như sau:

*“Trên cơ sở chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, có thể thấy rằng, tính phổ biến của quyền con người đúng là thể hiện ở việc nó là những*

*chuẩn mực chung, bắt nguồn từ nhân phẩm và nhằm bảo đảm nhân phẩm, áp dụng cho toàn nhân loại, nhưng nội dung và cách thức bảo đảm quyền con người phụ thuộc vào hoàn cảnh kinh tế, xã hội, truyền thống văn hóa... của dân tộc. Nói cách khác quyền con người vừa có tính phổ biến, vừa có tính đặc thù”* [8; tr. 334].

Xung đột tư tưởng giữa Đông và Tây được thể hiện rõ nét nhất trong nhận thức của Cao Đức Thái như sau:

*“Về mặt học`thuật, ngày nay các học giả phương Tây tiếp tục truyền`thống cách mạng dân chủ tư sản, họ đề cao các quyền cá nhân.*

*Quyền cá nhân được đề cao đến mức đôi lập hoặc tách khỏi lợi ích cộng đồng, mặt khác nghĩa vụ và trách nhiệm cá nhân bị xem nhẹ. Và để thuyết phục xã hội, những quyền đó thường được lý giải là quyền tự nhiên, dựa trên học thuyết pháp quyền tự nhiên”* [3; tr.121].

Không hẳn vậy, Thomas Fleiner- Chủ tịch Hiệp hội Quốc tế về Luật hiến pháp (1995-1999)- sau khi nhận định *“Tự do lựa chọn là yếu tố trọng yếu của hạt nhân bên trong của nhân tính”*, đã khẳng định *“Tuy nhiên, chúng ta không nhất thiết đi tới chỗ cực đoan khác và nhìn con người trong sự cô lập với người khác hoặc thậm chí từ xã hội”* [10; tr.2].

Tôi nghĩ nếu chúng ta nhìn nhận học thuyết khác một cách hẹp hòi hay cố làm sai lệch nhận thức về nó, thì bản thân sự nhìn nhận hay việc làm của chúng ta không thể nhận được những điều tốt đẹp.

Vấn đề là ở chỗ chúng ta khai thác nó như thế nào có lợi cho ta.

Từ những phân tích dài dòng trên về xung đột tư tưởng trong lĩnh vực quyền con người, chúng ta mới thấy hết cần giáo dục những nội dung gì ở Việt Nam để người học nhận thức đúng đắn về quyền con người và tránh những xung đột không cần thiết.

Nên nhận thức rằng: nhân phẩm là cốt lõi của quyền con người, do vậy mọi người đều có nhân phẩm như nhau, vì thế mới không thể có chuyện người này áp bức người khác, nhóm người này áp bức nhóm người khác, giai cấp này áp bức giai cấp khác và dân tộc này áp bức dân tộc khác. Cho nên suốt cuộc đời đấu tranh cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn phấn đấu cho giải phóng dân tộc, giải phóng người lao động và dẹp bỏ sự áp bức dân tộc, áp bức giai cấp. Nếu phủ nhận tính “phổ biến” của quyền con người, thì cũng đồng nghĩa với việc phủ nhận sự bình đẳng về nhân phẩm và ủng hộ cho việc áp bức giữa người với người, giữa dân tộc này và dân tộc khác. Còn việc lợi dụng chiêu bài nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ của đất nước khác, theo tôi, cần phải phản đối bằng cách thức khác chứ không thể bằng việc xóa đi những chuẩn mực chung của thế giới văn minh mà chúng ta đang cần hội nhập.

Tôi cho rằng cộng đồng được tạo lập nên bởi các cá nhân, nên cá nhân không được chú ý thích đáng, và không đạt được mục đích sống của mình, thì sẽ làm bất ổn định cộng đồng. Suy cho cùng tất

cả các định chế đều do con người tạo ra, phục vụ con người, vì con người, và quyền con người bao hàm mọi lĩnh vực như dân sự và chính trị, kinh tế và xã hội, văn hoá, và ở mọi nhóm người. Nên bảo đảm quyền con người vừa là động lực để phát triển xã hội, vừa là mục tiêu của phát triển xã hội.

Bà Nancy Flowers định nghĩa giáo dục quyền con người "*là tất cả những hiểu biết nhằm phát triển kiến thức, kỹ năng và các giá trị của nhân quyền*" [6; tr.6]. Định nghĩa này hoàn toàn phù hợp với Việt Nam. Tuy nhiên những người lập chương trình giáo dục quyền con người "*phải tính đến bối cảnh xã hội, văn hóa, chính trị và kinh tế và khả năng tác động của việc giáo dục đó đối với sự chuyển biến của xã hội*" [6; tr.7]. Bởi vậy như đã phân tích ở trên, vì ý thức của người dân Việt Nam về các quyền tự do còn kém, nhà nước chưa bảo đảm được đầy đủ các quyền tự do đó, và có sự xung đột tư tưởng trong lĩnh vực này, nên theo tôi việc giáo dục quyền con người nên tập trung vào các quyền đã được ấn định trong các văn kiện pháp lý quốc tế và các văn bản pháp luật quốc gia một cách rất cụ thể.

Nội dung giáo dục về quyền con người cần được xây dựng dựa trên cơ sở phân loại người học theo cấp học và ngành học. Theo cấp học thì cần xây dựng nội dung giáo dục cho bậc học phổ thông, và bậc học đại học. Theo ngành học thì cần xây dựng nội dung giáo dục cho bậc học đại học với các chuyên ngành luật học, quản lý xã hội và bậc học đại học với các chuyên ngành khác.

Trong chương trình học phổ thông chúng ta cần đưa những nội dung cơ bản của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người 1948 vào môn học giáo dục công dân. Tại đây cần đưa thêm một số nội dung giao tiếp và phản kháng liên quan tới việc vi phạm hay lạm dụng quyền con người bao gồm cả cách thức tiến hành, nhất là về các quyền của những người yếu thế hay chịu thiệt thòi trong xã hội.

Hiện nay giáo dục đại học đang theo khuynh hướng đào tạo theo tín chỉ, vì vậy nội dung giáo dục quyền con người cần phải nằm trong số tín chỉ bắt buộc, bởi bên cạnh một học thuyết nổi tiếng về cộng đồng, chúng ta cần bổ sung thêm học thuyết về cá nhân nhằm phát huy hết tài năng của cá nhân ngày càng giúp cho cộng đồng phát triển. Tuy nhiên cần cân đối giữa các tín chỉ bắt buộc chung của các trường đại học. Có thể đặt ra phương án: Đối với bậc đại học với chuyên ngành luật học và quản lý xã hội cần tăng cường môn học luật quốc tế về quyền con người; Còn đối với bậc đại học với các chuyên ngành khác thì cần đưa nội dung giáo dục về quyền con người vào môn pháp luật đại cương hoặc chuyên đề. Nội dung học nên hướng tới việc cung cấp các hiểu biết cần thiết về các quyền con người trong các lĩnh vực, và cách thức thụ hưởng và bảo vệ chúng. Nói tóm lại trong ba mô hình giáo dục quyền con người là "*Mô hình giá trị và nhận thức*", "*Mô hình trách nhiệm*", và "*Mô hình chuyển đổi*" do Felisa Tibbitts giới thiệu [6; tr. 9-12], thì nên tập trung chú ý vào "*Mô hình giá trị và nhận thức*".

Ở đây cần lưu ý: mặc dù hệ thống giáo dục Việt Nam tồn tại hai mô hình giáo dục công lập và ngoài công lập, song về chương trình và nội dung giáo dục được kiểm soát tương đối chặt chẽ bởi nhà chức trách giáo dục. Do đó nếu nội dung giáo dục quyền con người là bắt buộc thì nó sẽ được áp dụng như nhau ở công lập cũng như ngoài công lập. Tuy nhiên cách thức giáo dục ở các trường ngoài công lập có thể thể linh động hơn.

### III. Cách thức giáo dục

Parlevliet cho rằng trong thực tế người ta không thể chỉ giải thích các nguyên tắc về quyền con người và hy vọng mọi người chấp nhận các nguyên tắc đó, nếu không gắn chúng với văn hóa địa phương và cách thức để các nguyên tắc đó mang lại sự thống nhất, bình đẳng và khoan dung hơn giữa những người có xuất thân và lợi ích khác nhau. Bà nhấn mạnh “*Giáo dục nhân quyền không được tách biệt mà phải áp dụng trực tiếp vào môi trường địa phương*” [4, tr. 14-15].

Từ những hướng dẫn của người đã từng lăn lộn với thực tiễn giáo dục quyền con người nhiều năm, tôi thấy giáo dục quyền con người cần phải gắn với thực tiễn Việt Nam. Tuy nhiên đây là một điểm nhạy cảm. Song xem trong các tờ báo ở Việt Nam hiện nay có rất nhiều tình huống liên quan tới quyền con người mà người học có thể bàn thảo và chính họ phải đưa ra các giải pháp nhằm bảo đảm các quyền của mình và đóng góp cho chính quyền. Đi liền với các bài giảng là các cách thức thực hành bảo vệ quyền con người của chính người học và những người khác.

Bên cạnh việc giáo dục quyền con người, chính quyền cần khuyến khích và thiện chí trong việc tiếp nhận những ý kiến từ phía người dân. Nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân, cho nên nhân dân luôn luôn xây dựng và củng cố nhà nước. Ngược lại Nhà nước cần lấy hạnh phúc của người dân làm sự hãnh diện của mình.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andrew Heywood, *Key Concepts in Politics*, St. Martin's Press LLC, USA, 2000.
2. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về các văn kiện Đại hội X của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trình bày ngày 18/4/2006.
3. Cao Đức Thái, “Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền phát triển và quyền con người”, *Quyền con người ở Trung Quốc và Việt Nam (Truyền thống, lý luận và thực tiễn)*, do Trung tâm nghiên cứu quyền con người thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Hội nghiên cứu quyền con người Trung Quốc chủ biên, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.

4. David Pitts, "Giáo dục nhân quyền ở những nước đa dạng, đang phát triển - Ví dụ minh họa - Nam Phi", Các vấn đề dân chủ- Giáo dục nhân quyền, *Tạp chí điện tử của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ*, tháng 3/2002.
5. Department of Foreign Affairs and Trade, *Human Rights Manual*, Australian Government Publishing Service, Canberra, 1993.
6. Felisa Tibbitts, "Các mô hình giáo dục nhân quyền đang nổi lên", Các vấn đề dân chủ- Giáo dục nhân quyền, *Tạp chí điện tử của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ*, tháng 3/2002.
7. Hoàng Văn Hảo, "Phê phán những quan điểm sai trái trên lĩnh vực quyền con người", *Quyền con người ở Trung Quốc và Việt Nam (Truyền thống, lý luận và thực tiễn)*, do Trung tâm nghiên cứu quyền con người thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Hội nghiên cứu quyền con người Trung Quốc chủ biên, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
8. Quan Công, "Tính đa dạng về văn hóa và tính phổ biến của quyền con người", *Quyền con người ở Trung Quốc và Việt Nam (Truyền thống, lý luận và thực tiễn)*, do Trung tâm nghiên cứu quyền con người thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Hội nghiên cứu quyền con người Trung Quốc chủ biên, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
9. Tống Tiểu Trang, "Pháp quyền và quyền con người trong văn hóa truyền thống Trung Quốc", *Quyền con người ở Trung Quốc và Việt Nam (Truyền thống, lý luận và thực tiễn)*, do Trung tâm nghiên cứu quyền con người thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Hội nghiên cứu quyền con người Trung Quốc chủ biên, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
10. Thomas Fleiner, *What are Human Rights?*, The Federation Press, 1999.
11. United Nations, *The Plan of Action for 2005 - 2007 in brief*, General Assembly resolution 59/113 B.
12. Vũ Đình Hòe, "Hiến pháp 1946 của nước Việt Nam: Một mô hình mới - Hiến pháp dân tộc và dân chủ", *Hiến pháp năm 1946 và sự kế thừa, phát triển trong các Hiến pháp Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998
13. Vũ Hùng, "Đặc điểm quyền con người trong xã hội truyền thống Việt Nam", *Quyền con người ở Trung Quốc và Việt Nam (Truyền thống, lý luận và thực tiễn)*, do Trung tâm nghiên cứu quyền con người thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Hội nghiên cứu quyền con người Trung Quốc chủ biên, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
14. *Why Human Rights Education?*,  
[<http://www1.umn.edu/humanrts/edumat/hreduseries/hereandnow/Part-2/whyhre.htm>]



VNU. JOURNAL OF SCIENCE, ECONOMICS-LAW, T.XXII, N<sub>o</sub>4, 2006

---

## HUMAN RIGHTS EDUCATION IN VIETNAMESE EDUCATIONAL SYSTEM OF TODAY

**Dr. Ngo Huy Cuong**

*Faculty of Law,  
Vietnam National University, Hanoi*

Human rights education is a difficult work in Vietnam today because of some reasons. In the Article, those reasons are analysed and used as premises for reflection upon the necessity, tenor and method of human rights education in Vietnamese educational system nowadays. Especially West - East comparison of human rights conception is referred as to lay the foundation of human rights education content in Vietnam.